

TỜ TRÌNH

(V/v cập nhật, bổ sung nội dung

*Phương án chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận để chia cổ tức tại mục III Tờ trình số
12/TTr-HĐQT-TCĐL ngày 06/4/2021)*

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã thông qua Phương án chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận năm 2018, 2019 với mức chi trả 15% và phương án tăng vốn điều lệ, phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2018, 2019; Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện các thủ tục cần thiết để thực hiện Phương án chi trả cổ tức năm 2018, 2019 sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, đảm bảo thực hiện mục tiêu kế hoạch, lợi ích của cổ đông.

Đến tháng 4 năm 2021, Phương án chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận năm 2018, 2019 và tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận này chưa được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt. Ngân hàng Nhà nước đề nghị cập nhật, bổ sung Phương án tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận năm 2018, 2019 để chi trả cổ tức. Do đó, việc chi trả cổ tức năm 2018, 2019 bằng cổ phiếu và tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận nêu trên cần được trình Đại hội đồng cổ đông 2021 thông qua (do Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2020 chưa được thực hiện). Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông nội dung thay thế mục III của Tờ trình số 12/TTr-HĐQT-TCĐDL ngày 06/4/2021. Cụ thể:

“III. Phương án chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận để chia cổ tức năm 2018, 2019 và năm 2020

3.1. Phương án Chi trả cổ tức năm 2018, 2019 bằng cổ phiếu với mức 15%


Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 đã phê duyệt mức chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận năm 2018, 2019 là 15%. Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 phê duyệt Phương án thực hiện chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận năm 2018, 2019 với mức 15% và tăng Vốn Điều lệ để chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận này trong năm 2021. Phương án tăng Vốn Điều lệ tại Phụ lục 1 đính kèm (Chi tiết tại Mục II.1, Phụ lục 1).



3.2. Phương án Chi trả cổ tức năm 2020

Căn cứ Chỉ thị 01/CT-NHNN ngày 07/01/2021 và các văn bản liên quan của Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng được chi trả cổ tức cho các cổ đông bằng cổ phiếu. Do đó, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua: Phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận năm 2020 và lợi nhuận để lại từ các năm trước, mức 6,5% (sau khi đã hoàn thành tăng vốn điều lệ để chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận năm 2018, 2019) và tăng vốn điều lệ để chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận này. Phương án tăng Vốn Điều lệ theo Phụ lục 1 đính kèm (Chi tiết tại Mục II.2, Phụ lục 1).

3.3. Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện các thủ tục tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận năm 2018, 2019, 2020 và lợi nhuận để lại từ các năm trước nêu trên bằng cổ phiếu sau khi nhận được sự phê duyệt của Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan liên quan; thực hiện cập nhật, bổ sung nội dung Phương án tăng vốn điều lệ theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, đồng thời thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.”

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./ 

Nơi nhận:

- HĐQT, Ban TGD
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VP.HĐQT.



**PHỤ LỤC 01: PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ
CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC**

(Đính kèm Tờ trình số 19/TTr-HĐQT-TCĐL ngày 23/4/2021 về việc cập nhật, bổ sung nội dung Phương án chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận để chia cổ tức tại mục III, Tờ trình số 12/TTr-HĐQT-TCĐL ngày 06/4/2021)

I. Lý do và sự cần thiết tăng vốn điều lệ

Vốn điều lệ của EVNFinance tính đến 27/4/2021 là: 2.649.812.650.000 đồng. Với định hướng phát triển, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ trên nền tảng công nghệ số, trong điều kiện kinh doanh hiện nay, dự báo các xu hướng phát triển trong tương lai, tăng vốn điều lệ của EVNFinance có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình nâng cao năng lực tài chính, phát triển các sản phẩm dịch vụ mới trên nền tảng công nghệ số song song duy trì các hoạt động kinh doanh truyền thống, hướng tới tăng trưởng quy mô, phát triển đa dạng các sản phẩm dịch vụ. Tăng vốn điều lệ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trong xu thế phát triển của thị trường, sẽ tăng niềm tin trong giao dịch tài chính, góp phần gia tăng lợi ích cổ đông và phát triển kinh tế xã hội.

Thực hiện phương án tăng vốn điều lệ bằng hình thức chi trả cổ tức bằng cổ phiếu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

Với định hướng trở thành một định chế tài chính tổng hợp cung cấp các sản phẩm dịch vụ trên nền tảng công nghệ số hiện đại, tiếp tục giữ vai trò chủ đạo về cung cấp các sản phẩm tài chính hữu ích cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam và đối tác, khách hàng trong lĩnh vực điện năng; Cung cấp đa dạng các sản phẩm dịch vụ cho mọi thành phần kinh tế phù hợp với mô hình công ty tài chính, EVNFinance cần có lượng vốn đủ để đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, phát triển yêu cầu kinh doanh trong thời gian tới.

Nâng cao năng lực tài chính thông qua việc mở rộng quy mô vốn điều lệ sẽ giúp EVNFinance nâng cao hiệu quả hoạt động trong quá trình phát triển hoạt động như:

- Hạn chế các rủi ro trong hoạt động, đáp ứng tốt các chỉ tiêu đảm bảo an toàn trong hoạt động tài chính ngân hàng, đặc biệt khi mở rộng cung cấp các sản phẩm dịch vụ bán lẻ; nâng cao khả năng huy động vốn, cho vay đối với khách hàng;
- Thông qua tăng vốn điều lệ, có điều kiện nhanh chóng mở rộng quy mô hoạt động, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để xây dựng vị thế, thương hiệu của EVNFinance, tạo cơ sở để EVNFinance hội nhập và hợp tác hiệu quả với các tổ chức tín dụng trong nước và quốc tế.

II. Phương án tăng vốn điều lệ

II.1. Các Dự kiến tăng vốn điều lệ trong năm 2021: 01 Dự tăng vốn điều lệ để chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận năm 2018, 2019

1. Vốn điều lệ

- Mức vốn điều lệ hiện tại: 2.649.812.650.000 đồng (Hai nghìn sáu trăm bốn chín tỷ tám trăm mười hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).
- Mức vốn điều lệ dự kiến tăng thêm: 397.471.897.500 đồng (Ba trăm chín bảy tỷ bốn trăm bảy mươi một triệu tám trăm chín bảy nghìn năm trăm đồng).

2. Phương án tăng vốn điều lệ và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018, 2019

- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.
- Số lượng cổ phần phát hành: 39.747.190 CP (*Ba chín triệu bảy trăm bốn bảy nghìn một trăm chín mươi*) cổ phần.
- Tổng giá trị phát hành: 397.471.900.000 (Ba trăm chín bảy tỷ bốn trăm bảy mươi một triệu chín trăm nghìn) đồng.
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 100 : 15 (cổ đông sở hữu 100 cổ phần sẽ được nhận thêm 15 cổ phần phát hành thêm), tương ứng với tỷ lệ cổ tức là 15% trên mệnh giá.
- Nguồn vốn được sử dụng để phát hành cổ phiếu trả cổ tức: từ nguồn lợi nhuận sau thuế của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực năm 2018, 2019 và lợi nhuận để lại từ các năm trước và đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.
- Số lượng cổ phần Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (EVF) trước khi phát hành: 264.981.265 CP tính đến 31/3/2021 theo Giấy đăng ký chứng nhận chứng khoán (*Hai trăm sáu tư triệu chín trăm tám một nghìn hai trăm sáu lăm*) cổ phần.
- Đối tượng phát hành: cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu.
- Phương thức phát hành: cổ tức bằng cổ phiếu được phát hành cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền.
- Quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu không được phép chuyển nhượng. Cổ phần trả cổ tức không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Phương án xử lý số cổ phần lẻ: Số lượng cổ phần phát hành thêm để trả cổ tức bằng cổ phiếu khi chia cho các cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
- Thời gian thực hiện dự kiến: Sau khi được Ngân hàng Nhà Nước và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận và dự kiến trong năm 2021 đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành về chào bán cổ phần riêng lẻ.

3. Thời gian dự kiến hoàn thành việc tăng vốn điều lệ

- Dự kiến hoàn thành trong năm 2021.

4. Dự kiến các chỉ tiêu tài chính

Năm 2020, EVNFinance hoàn thành kế hoạch lợi nhuận mà Đại hội đồng cổ đông thường niên đã giao phó. Tăng vốn điều lệ là một trong những giải pháp góp phần hoàn thành kế hoạch, định hướng kinh doanh của EVNFinance trong giai đoạn năm 2021 - 2022, phần đầu đem lại mức lợi nhuận kỳ vọng cho cổ đông EVNFinance, đặc biệt trong bối cảnh dự báo diễn biến dịch bệnh trên thế giới, tại Việt Nam sẽ có những tác động sâu, lâu dài hơn, tăng mức độ thách thức của nền kinh tế nói chung, các doanh nghiệp nói riêng sẽ phải đối mặt trong năm 2021. EVNFinance dự kế hoạch năm 2021, 2022 như sau:

➤ Bảng cân đối kế toán

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	KH 31/12/2021	KH 31/12/2022
A	TÀI SẢN		
I	Tiền mặt, tài sản, đá quý	4	4
II	Tiền gửi tại Ngân hàng nhà nước	5	5
III	Tiền gửi, cho vay các tổ chức tín dụng khác	7.200	7.550
IV	Cho vay khách hàng	14.660	17.474
1	Cho vay khách hàng	14.900	17.829
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(240)	(355)
V	Chứng khoán đầu tư	5.050	4.923
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	5.040	4.930
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	66	66
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	(56)	(74)
VI	Góp vốn, đầu tư dài hạn	469	570
1	Đầu tư dài hạn khác	470	570
2	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(1)	(1)
VII	Tài sản khác	1.630	1.600
	TỔNG TÀI SẢN CÓ	29.020	32.125
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
I	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	9.510	10.150

STT	Chỉ tiêu	KH 31/12/2021	KH 31/12/2022
II	Tiền gửi của khách hàng	7.300	8.770
III	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	5.487	5.734
IV	Phát hành GTCG	2.200	2.640
V	Các khoản nợ khác	600	600
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	25.097	27.894
VI	Vốn chủ sở hữu	3.923	4.231
1	Vốn và các Quỹ	3.467	3.728
2	Lợi nhuận chưa phân phối	455	504
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	29.020	32.125

(*) Công ty đảm bảo thực hiện tăng trưởng tín dụng năm 2021 theo mức cho phép của Ngân hàng Nhà nước.

➤ Báo cáo kết quả kinh doanh

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	KH 2021	KH 2022
1	Thu nhập từ lãi và các khoản thu nhập tương tự	1.840	2.297
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(1.045)	(1.240)
I	Thu nhập lãi thuần	795	1.057
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	183	201
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	(149)	(163)
II	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	34	38
III	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	87	18
IV	Chi phí hoạt động	(370)	(462)
V	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	545	651
VI	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(224)	(265)
VII	Tổng lợi nhuận trước thuế	320,8	386,2
VIII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(64,2)	(77)
IX	Lợi nhuận sau thuế	256,7	308,9

II.2. Các đợt dự kiến tăng vốn điều lệ trong năm 2022:

*** Đợt 1 dự kiến vào Quý I năm 2022 - Tăng vốn điều lệ để chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận năm 2020 và lợi nhuận để lại từ các năm trước**

1. Vốn điều lệ

- Dự kiến mức vốn điều lệ trước khi tăng vốn: 3.047.284.547.500 đồng (Ba nghìn không trăm bốn bảy tỷ hai trăm tám tư triệu năm trăm bốn bảy nghìn năm trăm đồng) - là mức vốn điều lệ sau khi tăng 15% để chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận năm 2018, 2019 tại mục I.1 nêu trên.
- Mức vốn điều lệ dự kiến tăng thêm: 198.073.495.588 đồng (Một trăm chín tám tỷ không trăm bảy ba triệu bốn trăm chín lăm nghìn năm trăm tám mươi tám đồng).

2. Phương án tăng vốn điều lệ và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020

- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.
- Số lượng cổ phần phát hành: 19.807.350 (Mười chín triệu tám trăm linh bảy nghìn ba trăm năm mươi) cổ phần.
- Tổng giá trị phát hành: 198.073.500.000 (Một trăm chín tám tỷ không trăm bảy ba triệu năm trăm nghìn) đồng.
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 100 : 6,5 (cổ đông sở hữu 100 cổ phần sẽ được nhận thêm 6,5 cổ phần phát hành thêm), tương đương tỷ lệ cổ tức là 6,5% trên mệnh giá.
- Nguồn vốn được sử dụng để phát hành cổ phiếu trả cổ tức: từ nguồn lợi nhuận sau thuế của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực năm 2020 và lợi nhuận để lại từ các năm trước và đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.
- Số lượng cổ phần Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (EVF) trước khi phát hành (dự kiến): 304.728.455 CP (Ba trăm lẻ tư triệu bảy trăm hai tám nghìn bốn trăm năm lăm) cổ phần – là số lượng cổ phần sau khi hoàn thành tăng vốn điều lệ để chi trả cổ tức năm 2018, 2019 tại mục I.1.
- Đối tượng phát hành: cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu.
- Phương thức phát hành: cổ tức bằng cổ phiếu được phát hành cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền.
- Quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu không được phép chuyển nhượng. Cổ phần trả cổ tức không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Phương án xử lý số cổ phần lẻ: Số lượng cổ phần phát hành thêm để trả cổ tức bằng cổ phiếu khi chia cho các cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

8063c
NG TY
CHÍNH
PHẦN
LỢI
PHỔ THÔNG

- Thời gian thực hiện dự kiến: Sau khi được Ngân hàng Nhà Nước và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận và dự kiến Quý I năm 2022, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành về chào bán cổ phần riêng lẻ.

3. Thời gian dự kiến hoàn thành việc tăng vốn điều lệ

- Dự kiến hoàn thành trong Quý I năm 2022.

4. Dự kiến các chỉ tiêu tài chính

EVNFinance dự kế hoạch năm 2022, 2023 như sau:

➢ Bảng cân đối kế toán

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	KH 31/12/2022	KH 31/12/2023
A	TÀI SẢN		
I	Tiền mặt, tài sản, đá quý	4	5
II	Tiền gửi tại Ngân hàng nhà nước	5	8
III	Tiền gửi, cho vay các tổ chức tín dụng khác	7.550	7.640
IV	Cho vay khách hàng	17.474	20.209
1	Cho vay khách hàng	17.829	20.718
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(355)	(509)
V	Chứng khoán đầu tư	4.923	4.869
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	4.930	4.925
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	66	-
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	(74)	(56)
VI	Góp vốn, đầu tư dài hạn	570	570
1	Đầu tư dài hạn khác	570	570
2	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(1)	(1)
VII	Tài sản khác	1.600	1.200
	TỔNG TÀI SẢN CÓ	32.125	34.500
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
I	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	10.150	10.031
II	Tiền gửi của khách hàng	8.770	10.520
III	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	5.734	5.591
IV	Phát hành GTCG	2.640	3.000
V	Các khoản nợ khác	600	600
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	27.894	29.743
VI	Vốn chủ sở hữu	4.231	4.757
1	Vốn và các Quỹ	3.728	4.401

STT	Chỉ tiêu	KH 31/12/2022	KH 31/12/2023
2	Lợi nhuận chưa phân phối	504	355
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	32.125	34.500

(*) Công ty đảm bảo thực hiện tăng trưởng tín dụng năm 2021 theo mức cho phép của Ngân hàng Nhà nước.

➤ Báo cáo kết quả kinh doanh

Đơn vị: tỷ đồng

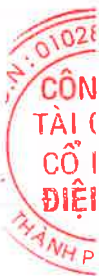
STT	Chỉ tiêu	KH 2022	KH 2023
1	<i>Thu nhập từ lãi và các khoản thu nhập tương tự</i>	2.297	2.468
2	<i>Chi phí lãi và các chi phí tương tự</i>	(1.240)	(1.389)
I	Thu nhập lãi thuần	1.057	1.079
3	<i>Thu nhập từ hoạt động dịch vụ</i>	201	203
4	<i>Chi phí hoạt động dịch vụ</i>	(163)	(163)
II	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	38	40
III	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	18	23
IV	Chi phí hoạt động	(462)	(423)
V	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	651	718
VI	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(265)	(268)
VII	Tổng lợi nhuận trước thuế	386,2	450,5
VIII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(77)	(90)
IX	Lợi nhuận sau thuế	308,9	360,4

III. Dự kiến phương án sử dụng vốn

1. Dự kiến kế hoạch sử dụng vốn điều lệ tăng thêm trong hoạt động kinh doanh

Công ty chủ trương phát triển mạnh các sản phẩm có ứng dụng công nghệ số, phát triển các hoạt động kinh doanh nền tảng, song song việc duy trì thực hiện hiệu quả các hoạt động kinh doanh truyền thống. Theo đó, các mục tiêu, giải pháp được cụ thể hóa như sau:

- Hoạt động kinh doanh nền tảng, các sản phẩm dịch vụ ứng dụng công nghệ số là những lĩnh vực hoàn toàn mới so với các sản phẩm truyền thống của Công ty, đòi hỏi sự linh hoạt, nhạy bén và năng động, nên Công ty ưu tiên tập trung nguồn lực



để phát triển các hoạt động này khai thác các cơ hội của thời đại công nghệ số, nắm bắt biến động nhu cầu thị trường để cung cấp sản phẩm dịch vụ phù hợp, đảm bảo đủ năng lực cạnh tranh trong giai đoạn mới. Đồng thời, đối với các sản phẩm dịch vụ mới, Công ty cần đầu tư, xây dựng phương án kiểm soát rủi ro ngay từ khâu thẩm định để kiểm soát, giảm thiểu tối đa việc phát sinh chi phí liên quan, đảm bảo an toàn hoạt động.

- Về hoạt động công nghệ số: Trong năm 2020, HĐQT đã ban hành Quyết định số 51/QĐ-HĐQT-TCĐL ngày 15/10/2020 về việc thành lập Khối Công nghệ số Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực. Công ty sẽ thường xuyên cập nhật công nghệ mới, khai thác phát triển công nghệ mới ứng dụng vào việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ mới. Đặc thù của các sản phẩm dịch vụ trong thời đại công nghệ số là đáp ứng nhu cầu của khách hàng nhanh chóng, thuận tiện, thủ tục đơn giản. Với xu hướng phát triển của công nghệ thông tin và các ứng dụng thiết bị di động, cùng với sự gia nhập thị trường của đối tượng khách hàng trẻ, việc tiếp cận các sản phẩm dịch vụ dễ dàng, nhanh chóng trở thành một trong những yếu tố then chốt trong cạnh tranh. Công ty đã và sẽ tiếp tục đầu tư, ứng dụng công nghệ hiện đại vào việc cung cấp sản phẩm, đảm bảo yếu tố cạnh tranh khi cung cấp sản phẩm ra thị trường và thường xuyên cập nhật, nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới, nắm bắt cơ hội trên thị trường để cung cấp sản phẩm dịch vụ mới, có tính cạnh tranh cao.

Tăng vốn điều lệ tạo cơ sở để Công ty tăng trưởng vững chắc về quy mô hoạt động trong điều kiện nền kinh tế Việt Nam đang có bước phát triển mới. Với bộ máy và nhân sự hiện nay, với kinh nghiệm và hiệu quả tốt trong hơn 12 năm hoạt động, Công ty hoàn toàn đủ điều kiện để tăng quy mô, quản lý rủi ro một cách hữu hiệu, đạt hiệu quả kinh doanh theo kỳ vọng; xây dựng Công ty trở định chế tài chính hiện đại, chuyên nghiệp, hội nhập và phát triển bền vững.

2. Khả năng quản trị, điều hành và kiểm soát rủi ro đối với quy mô vốn điều lệ mới

Kế hoạch tăng trưởng quy mô nguồn vốn chủ sở hữu đã được đưa ra trong định hướng phát triển của Công ty, cùng với việc củng cố phát triển đồng bộ các nguồn lực khác. Theo đó, khả năng quản trị, điều hành và kiểm soát rủi ro của Công ty luôn đảm bảo đáp ứng yêu cầu, phù hợp với tốc độ tăng của quy mô vốn điều lệ, cụ thể:

- Hội đồng Quản trị Công ty bao gồm các thành viên có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Việc điều hành quản trị được thực hiện theo nguyên tắc cùng thảo luận để đạt được sự đồng thuận. Các thành viên Hội đồng Quản trị được phân công phụ trách theo nhóm lĩnh



vực với sự hỗ trợ của các Ủy ban chuyên trách, đảm bảo điều hành quản trị kịp thời, hiệu quả.

- Ban Kiểm soát có các thành viên theo quy định, thực hiện kiểm soát chặt chẽ tất cả các hoạt động của Công ty thông qua hệ thống các văn bản quy định nội bộ. Bên cạnh đó, tính tuân thủ được kiểm tra định kỳ, khách quan bởi Phòng Kiểm toán nội bộ trực thuộc Ban Kiểm soát và được các đơn vị chuyên môn kiểm tra chéo lẫn nhau trong quá trình tác nghiệp.
- Ban Điều hành Công ty gồm các thành viên có kinh nghiệm và chuyên môn cao trong lĩnh vực phụ trách, chỉ đạo triển khai hiệu quả các định hướng chiến lược, kế hoạch của Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông giao.
- Công ty đã ban hành Quy chế Quản trị nội bộ, triển khai điều hành Công ty công khai, minh bạch, hiệu quả, tuân thủ quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam từng thời kỳ và hướng tới thông lệ, chuẩn mực quốc tế.
- Công ty luôn chú trọng đầu tư phát triển hệ thống công nghệ thông tin, tăng cường đổi mới công nghệ, nghiên cứu phát triển các sản phẩm dịch vụ tài chính có ứng dụng nền tảng công nghệ số để cung cấp đa dạng các sản phẩm dịch vụ nhanh chóng, ưu việt hơn cho khách hàng.
- Công ty duy trì triển khai công tác quản trị rủi ro theo 3 tuyến phòng thủ: (1) Tuyến phòng thủ thứ nhất là Khối Kinh doanh, các đơn vị vận hành... Nhiệm vụ chính của các đơn vị này là xác định, đánh giá, ngăn ngừa, báo cáo và theo dõi các rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh và các quy trình vận hành khác; tự đánh giá rủi ro và kiểm soát tính hiệu quả của từng đơn vị. (2) Tuyến phòng thủ thứ hai là Khối Quản trị rủi ro, Khối tuân thủ, quản trị rủi ro hoạt động và pháp chế. Tuyến này có nhiệm vụ quan trọng là độc lập đánh giá và kiểm soát (kiểm tra và cân đối) tính hiệu quả của hệ thống ở tuyến phòng thủ thứ nhất; quản lý rủi ro thông qua việc thiết lập khẩu vị rủi ro/chính sách cho vay, xây dựng quy trình/hướng dẫn nghiệp vụ, theo dõi và cảnh báo sớm,...(3) Tuyến phòng thủ thứ ba là Phòng Kiểm toán nội bộ. Đây là bộ phận trực thuộc Ban Kiểm soát, thực hiện kiểm soát, đánh giá độc lập và khách quan. Trong quá trình hoạt động và phát triển, Công ty chủ trương xây dựng hệ thống quản trị rủi ro tiệm cận với hệ thống tiêu chuẩn quốc tế.
